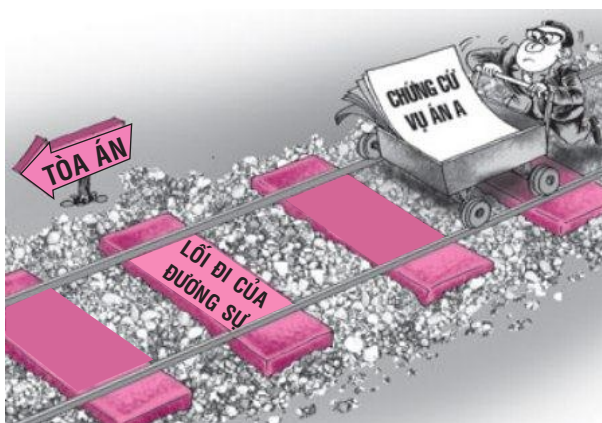


MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CHỨNG MINH CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Bản chất đặc biệt của quá trình tố tụng dân sự là sự độc lập, tự quyết của các đương sự trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua hoạt động chứng minh – quá trình đi tìm sự thật khách quan của vụ án.

Do đó, vai trò của đương sự trong tố tụng dân sự là quan trọng nhất và có tính chất quyết định đến hoạt động chứng minh của các chủ thể khác. Trong hoàn cảnh hiện nay, vai trò này ngày càng quan trọng hơn khi quá trình giao lưu quốc tế trên mọi lĩnh vực đang diễn ra hết sức sôi động đòi hỏi sự tương thích về văn hóa pháp lý cũng như thông lệ quốc tế. Chính vì vậy, việc nhận thức một cách đầy đủ về vai trò chứng minh của đương sự trong tố tụng dân sự của Việt Nam giai đoạn hiện nay và tạo ra những cơ chế, biện pháp thiết thực, hữu hiệu để họ có thể phát huy được hết khả năng tích cực của mình là vô cùng cần thiết.



Thượng úy, ThS. TRỊNH THỊ THU THỦY *

Hiện nay, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) chỉ quy định về nguyên đơn và bị đơn trong vụ án dân sự mà chưa quy định về đương sự trong vụ việc dân sự là người yêu cầu và người bị yêu cầu. Sự thiếu hụt này gây khó khăn cho đương sự khi họ không biết mình có những quyền gì khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

Bên cạnh đó, BLTTDS quy định nguyên đơn rút đơn khỏi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm phải có sự đồng ý của bị đơn là không phù hợp với quy định của nguyên tắc tự định đoạt của đương sự. Bởi vì khi đó, sự tự định đoạt của nguyên đơn lúc này lại phụ thuộc vào ý chí của bị đơn. Việc quy định không rõ ràng ảnh hưởng rất lớn đến quyền tự định đoạt của đương sự trong việc đưa ra các loại yêu cầu, Tòa án cũng có các cách hiểu khác nhau nên áp dụng không thống nhất. Việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) về quyền tự định đoạt của đương sự trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế nhất định. Những hạn chế này bộc lộ cả ở phía đương sự lẫn Tòa án. Về phía đương sự, do không hiểu biết đầy đủ các quy định của pháp luật nên không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Trên thực tế đã không ít trường hợp đương sự khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự khi đã hết thời hiệu khởi kiện bị trả lại đơn kiện. Ngoài ra, đương sự còn thực hiện quyền kháng cáo

* Giáo viên Bộ môn Pháp luật - Trường T39.

đối với bản án, quyết định của Tòa án trong nhiều trường hợp cũng không đúng, quá thời hạn do pháp luật quy định. Về phía Tòa án, do đội ngũ Thẩm phán còn yếu cả về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ nên còn có nhiều sai sót, vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án dân sự. Thực tế những sai sót trong việc trả lại đơn kiện, không xem xét hết yêu cầu của đương sự hoặc quyết định của bản án vượt phạm vi yêu cầu của đương sự, xét xử khi vắng mặt đương sự... Những điều này đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện quyền tự định đoạt của đương sự đối với hoạt động chứng minh trong TTDS.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn bảo vệ các quyền của đương sự và nâng cao vai trò chứng minh của đương sự trong TTDS hiện nay, cần thực hiện có hiệu quả các hoạt động:

- Đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự trong hoạt động chứng minh.

Khi các tranh chấp dân sự xảy ra thì tính lợi ích trong đó được thể hiện rất rõ ràng, các đương sự tham gia là nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của mình. Chính yếu tố lợi ích này sẽ là động lực hình thành và phát triển tính chủ động, nhanh chóng của đương sự trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Do vậy, cần nhận thức và khai thác triệt để khả năng của đương sự trong hoạt động chứng minh. Một mặt giảm công việc của Tòa án trong điều kiện các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động gia tăng về số lượng và ngày càng phức tạp. Mặt khác tạo ra tính tự chịu trách nhiệm từ phía đương sự. BLTTDS đã quy định quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự thành một nguyên tắc cụ thể và nguyên tắc này có mối quan hệ biện chứng mật thiết với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự. Đương sự chỉ có thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình khi đảm bảo sự tự định đoạt và ngược lại, quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự thể hiện

rõ nét nhất khả năng tự định đoạt của đương sự. Theo đó, các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự do chính hành vi tố tụng của họ quyết định. Khi đương sự đưa ra yêu cầu mà thực hiện được đầy đủ, chính xác quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình thì các quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ được đảm bảo bằng phán quyết của Tòa án. Khi họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng đắn, đầy đủ nghĩa vụ này cũng đồng nghĩa là họ đã tự mang lại cho mình một hậu quả pháp lý bất lợi. Hoạt động chứng minh theo đó mà cũng phải đảm bảo được sự tự chủ của đương sự, Tòa án chỉ đóng vai trò hỗ trợ đương sự trong việc cung cấp, thu thập và thậm chí cả nghiên cứu, đánh giá chứng cứ.

Mặc dù là một nguyên tắc quan trọng nhưng quyền tự định đoạt của đương sự trong hoạt động chứng minh được quy định một cách chung chung, trên thực tế chưa có những biện pháp cụ thể để bảo đảm. Hoạt động của đương sự còn bị mang tính bị động và phụ thuộc quá nhiều vào Tòa án; việc nghiên cứu, đánh giá chứng cứ của đương sự gần như không được quan tâm và chỉ thể hiện một cách hạn chế tại phiên tòa. Trong khi đó, tại phiên tòa, các quyền tự định đoạt của đương sự trong hoạt động chứng minh lại một lần nữa không được đảm bảo khi mà thủ tục thẩm vấn diễn ra phổ biến, khả năng tranh tụng của đương sự bị hạn chế do thiếu kinh nghiệm tố tụng. Chính vì vậy, để đảm bảo cho việc phát huy vai trò trung tâm, quan trọng nhất của đương sự trong hoạt động chứng minh nói riêng và toàn bộ tiến trình tố tụng dân sự nói chung, cần thiết phải đảm bảo được quyền tự định đoạt của đương sự và tạo ra các cơ chế, biện pháp cụ thể để quyền này có thể thực hiện được một cách nhanh chóng, chính xác.

- Tạo điều kiện để đương sự có thể tiếp cận, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ.

Theo quy định của BLTTDS hiện hành thì các đương sự có quyền “được biết và ghi

chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập” (Điểm đ, Khoản 2, Điều 58). Tuy nhiên, trên thực tế, quyền quan trọng này của đương sự rất khó thực hiện được. Thông thường thì chỉ khi nguyên đơn khởi kiện thì các tài liệu chứng cứ và đơn khởi kiện được thông báo cho phía bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết (Điều 174 BLTTDS) và từ đó họ sẽ có văn bản trả lời (Điều 175 BLTTDS). Còn trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án dân sự khi các bên xuất trình chứng cứ mới hay những chứng cứ do Tòa án thu thập được thì các bên đương sự chỉ có “quyền được biết” thông qua các hoạt động sao chụp tài liệu, chứng cứ ở Tòa án. Nhưng chính quyền được biết này lại mang tính chất chung chung khi không quy định một cách cụ thể ai là người phải thông báo cho đương sự khi có những chứng cứ mới được đưa ra. Khi có yêu cầu sao chụp phải có đơn yêu cầu và trong đơn “phải ghi cụ thể những tài liệu, chứng cứ mà mình cần ghi chép, sao chụp”¹. Khi đương sự đã không biết những chứng cứ, tài liệu do bên kia cung cấp thì làm sao biết được mình cần sao chụp những gì? Đây là một quy định không thực tế. Cá biệt trong nhiều trường hợp chứng cứ được cung cấp tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự còn lại không thể có thời gian thu thập những chứng cứ để phản bác lại lập luận dựa trên chứng cứ mới của bên kia gây bất lợi cho họ.

Chính vì vậy, BLTTDS nên quy định bắt buộc các bên đương sự khi cung cấp một chứng cứ mới cho Tòa án để giải quyết yêu cầu của mình thì đồng thời với đó phải thông báo bằng văn bản hoặc có thể photo một bản cung cấp cho bên còn lại. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn có thể dẫn đến tình trạng bên được thông báo cố tình phủ nhận việc thông báo đó, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng. Nên các văn bản hoặc tài liệu photo này sẽ được chuyển cho bên còn lại thông qua Tòa án – một cơ quan

nhà nước có hoạt động chặt chẽ sẽ đảm bảo được tính nhanh chóng và quyền lợi của các bên. Nếu bên cung cấp chứng cứ cố tình không cung cấp bản sao hoặc văn bản thông báo cho bên còn lại thì có thể áp dụng biện pháp phạt tiền để cưỡng chế. Thời gian thông báo do Thẩm phán ấn định tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Đối với những trường hợp đương sự cung cấp chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Khoản 3, Điều 271 BLTTDS, cần có quy định bổ sung là các chứng cứ mới này trước đó đương sự “không biết” hoặc “không thể biết” để tránh trường hợp đương sự cố tình giấu chứng cứ không cung cấp nhằm kéo dài quá trình tố tụng hoặc để gây bất lợi cho đương sự khác vì bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay. Khi không thể làm rõ về sự “không biết” hoặc “không thể biết” này thì không thể phủ nhận những chứng cứ này vì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người đưa ra chứng cứ, nên có thể quy định về chế tài phạt phải chịu án phí đối với những đương sự cố tình giấu chứng cứ đến cấp phúc thẩm mới cung cấp.

Một trong những vướng mắc diễn ra khá phổ biến trong thời gian vừa qua khi áp dụng BLTTDS liên quan đến việc tiếp cận chứng cứ của đương sự chính là ở chỗ các chứng cứ, tài liệu nằm trong sự kiểm soát của các cá nhân, cơ quan tổ chức khác mà họ lại không phối hợp giúp đỡ các đương sự cũng như Tòa án trong việc cung cấp các loại chứng cứ này. Có thể thấy rằng, thời gian tiến hành hoạt động tố tụng đối với một vụ án cụ thể thường rất ngắn (thông thường từ 2 - 4 tháng). Nếu như những cá nhân, cơ quan tổ chức này cố tình kéo dài, không cung cấp chứng cứ thì sẽ làm cho việc tự bảo vệ của đương sự khó khăn hơn rất nhiều. Cá biệt có trường hợp khi Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ thì các cá nhân, cơ quan, tổ chức này chỉ cung cấp một cách vụn vặt các chứng cứ hoặc ở mỗi giai đoạn lại cung cấp những chứng cứ khác nhau, điều này làm ảnh hưởng lớn đến

tính ổn định của bản án.

BLTTDS hiện hành chỉ quy định một cách rất chung chung về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của các cá nhân, cơ quan, tổ chức tại Điều 94 “Cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu” mà không có quy định cụ thể để đảm bảo nghĩa vụ đó. Vì vậy, cần có một hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Theo đó, khi không thể cung cấp được chứng cứ thì phải thông báo cụ thể bằng văn bản đồng thời với đó là quy kết trực tiếp vấn đề trách nhiệm. Đối với tổ chức thì quy trách nhiệm cụ thể về người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó để họ có thể thực hiện nghĩa vụ này mà không hề có sự cản trở nào. Đối với cá nhân, nếu không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời thì có thể quy định vấn đề phạt tiền để răn đe tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm.

- Tạo điều kiện để đương sự có thể tự bảo vệ.

Đương sự có vai trò quan trọng hàng đầu, họ phải tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi có tranh chấp xảy ra phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự, điều này khác hẳn so với trong tố tụng hình sự khi mà bị can, bị cáo có quyền chứ không có nghĩa vụ chứng minh. Nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng hình sự là thuộc về phía Tòa án, bị cáo hoàn toàn có thể “im lặng” mà quyền và lợi ích của họ trong một chừng mực nhất định vẫn được bảo đảm.

Một trong các biện pháp để đương sự có thể chủ động bảo vệ mình khi tham gia tố tụng dân sự đó là trao trả đương sự một số quyền thu thập chứng cứ. Chứng cứ là vấn đề mấu chốt trong các tranh chấp dân sự, không có chứng cứ thì cũng không có hoạt động chứng minh và đương sự không thể bảo vệ được mình. Chính

vì vậy, công tác thu thập chứng cứ là khâu quan trọng nhất trong quá trình chứng minh, là tiền đề cho các hoạt động chứng minh còn lại như cung cấp, nghiên cứu, đánh giá chứng cứ. Hiện tại, có nhiều biện pháp thu thập chứng cứ khác nhau như lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng, biên bản đối chất, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, kết luận giám định, kết quả định giá tài sản... Hầu hết các chứng cứ trên muốn có được đều phải thông qua Tòa án, đương sự thấy cần thiết thì yêu cầu Tòa án tiến hành lấy chứng cứ. Đây là những quy định đã làm giảm đi khả năng chủ động của đương sự trong việc thu thập chứng cứ bởi phải thông qua hoạt động chủ quan của cán bộ Tòa án, chỉ khi những cán bộ này “xét thấy” cần thiết thì mới cho tiến hành thu thập chứng cứ. Bên cạnh đó, những gì mà Tòa án và các bên đương sự quan tâm khi tiến hành các biện pháp này chính là kết quả của quá trình đó như thế nào? Có nghĩa là chứng cứ thu thập được là gì chứ họ không nhất thiết phải quan tâm đến cách thức tiến hành ra sao. Tuy nhiên, nếu để các đương sự quá tự do thì sẽ dẫn đến việc thu thập chứng cứ không khách quan nhưng trong luật tố tụng dân sự đã dự liệu các trường hợp không đồng ý thì họ có thể tiến hành tố cáo chứng cứ giả mạo theo quy định tại Điều 91 BLTTDS đối với những chứng cứ vật chất hoặc Điều 98 BLTTDS đối với hành vi cung cấp sai sự thật của người làm chứng. Như vậy, có thể trao trả đương sự một số quyền thu thập chứng cứ cơ bản mà không phải thông qua Tòa án như trưng cầu giám định, lấy lời khai của người làm chứng. Biện pháp này có thể giảm bớt gánh nặng cho Tòa án cũng như tạo cho đương sự khả năng chủ động cao trong việc tự bảo vệ mình, phát huy vai trò trung tâm trong hoạt động tố tụng dân sự./.

¹ Nghị quyết số 01/2005/NQ – HĐTP của HĐTPTANDTC ngày 31 tháng 5 năm 2005 về hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTDS năm 2004